

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Thượng Ninh, huyện Như Xuân.
Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, công trình phụ trợ và trang thiết bị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật
số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định
06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung
về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định
số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây
dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 20/02/2022 của UBND huyện
Như Xuân về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, cải tạo Trường
THCS Thượng Ninh, huyện Như Xuân. Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, công trình
phụ trợ và trang thiết bị;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số
119/KTHT-TĐ ngày 12/10/2023 (kèm theo Tờ trình số 13/TTr-THCSTN ngày
20/9/2023 của Trường THCS Thượng Ninh),*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Thượng Ninh, huyện Như Xuân. Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, công trình phụ trợ và trang thiết bị, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Thượng Ninh, huyện Như Xuân. Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, công trình phụ trợ và trang thiết bị.

2. Chủ đầu tư: Trường THCS Thượng Ninh.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Thượng Ninh, đảm bảo các điều kiện giáo dục, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh nhà trường.

4. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh.

5. Địa điểm xây dựng: xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân.

6. Loại, nhóm, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình dân dụng;
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

7. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: 1 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: thống nhất theo báo cáo thẩm định số 119/KTHT-TĐ ngày 12/10/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng.

9. Nội dung, quy mô đầu tư:

9.1. Nhà lớp học bộ môn

- Tháo dỡ toàn bộ mái tôn, xà gồ, tường thu hồi; phá dỡ tường sê nô phía sau và hai bên hông nhà, cắt sàn sê nô hai mặt hông nhà.

- Xây dựng tầng 2, mặt bằng tầng 2 được bố trí gồm 01 phòng học nghệ thuật, 01 phòng học tin học và 01 cầu thang. Giao thông đi lại giữa các phòng bằng hành lang rộng 2,4m, giao thông đứng bằng cầu thang bộ.

- Tường xây gạch không nung tiêu chuẩn VXM75#, trát VXM 75#, sơn theo quy phạm; Nền, sàn phòng hành lang lát gạch ceramic 600x600; Cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhựa gia cường lõi thép; Lan can thép hộp; Tận dụng lại toàn bộ xà gồ, mái tôn cũ.

- Phần thân sử dụng hệ kết cấu cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 toàn khối đổ tại chỗ; Tiết diện cột điển hình là 220x220mm, 220x300mm; tiết diện dầm điển hình là 220x600mm, 220x400mm; sàn dày 120 mm.

- Giải pháp cấp điện: Nguồn điện tầng 2 được lấy từ tủ điện tổng sử dụng cáp loại cáp 2x10mm²; dây dẫn đến các phòng dùng dây 2x6mm², dây đến thiết bị, ổ cắm dùng dây 2x2,5mm², 2x1,5mm². Hệ thống dây dẫn luôn trong ống nhựa di ngầm trong tường và trần, lắp đặt thiết bị hoàn chỉnh cho công trình.

- Giải pháp thoát nước: Nước mưa từ các mái, sân thượng được thoát theo các ống đứng PVC D90 xuống hệ thống rãnh thoát nước mưa ngoài nhà.

- Hệ thống chống sét: Hệ thống chống sét trên mái bằng kim thu sét dài 1,0m, dây dẫn bằng thép D12, cọc tiếp địa thép V63x63x6 dài 2,5m. Giữa dây thu sét và dây nối các cọc tiếp địa có kẹp để kiểm tra điện trở.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: Lắp đặt tiêu lệnh, trang thiết bị chữa cháy đảm bảo theo quy định

9.2. Các công trình phụ trợ:

Xây dựng tường rào chiều dài $L = 134\text{m}$: đoạn móng xây đá hộc dài 79m, đoạn xây gạch dài 55m; giằng móng BTCT; tường rào xây gạch không nung, bở trụ; trát, sơn hoàn chỉnh.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí:

Tổng mức đầu tư: **2.500.000.000 đồng**
(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	1.818.768.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	259.590.000 đồng
- Chi phí QLDA:	65.109.000 đồng
- Chi phí tư vấn:	315.392.000 đồng
- Chi phí khác:	20.943.000 đồng
- Chi dự phòng:	20.198.000 đồng

11. Nguồn vốn: Sự nghiệp giáo dục năm 2023 và các năm tiếp theo.

12. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

Điều 2. Giao Trường THCS Thượng Ninh căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân, Chi cục thuế khu vực Như Thanh – Như Xuân, Chủ tịch UBND xã Thượng Ninh, Hiệu trưởng Trường THCS Thượng Ninh, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện (bc);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Tuấn

PHỤ BIỂU
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
Công trình: Nâng cấp, cải tạo trường THCS Thượng Ninh, huyện Như Xuân.
Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, công trình phụ trợ và trang thiết bị
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí xây dựng				1.653.424.660	165.342.466	1.818.768.000	Gxd
1	NHÀ LỚP HỌC BỘ MÔN, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ VÀ TRANG THIẾT BỊ		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	1.406.988.748	140.698.875	1.547.688.000	
2	TƯỜNG RÀO		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	246.435.912	24.643.591	271.080.000	
II	Chi phí thiết bị			Theo bảng tổng hợp chi phí TB	235.990.910	23.599.090	259.590.000	Gtb
III	Chi phí quản lý dự án	3,446%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	65.109.261		65.109.000	Gqlđa
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				289.158.674	26.233.213	315.392.000	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình			Theo QĐ số 06/QĐ-THCSTN ngày 15/03/2023	16.760.000	1.676.000	18.436.000	
2	Chi phí kiểm định chất lượng công trình			Theo QĐ số 02/QĐ-THCSTN ngày 28/02/2023	67.820.000	6.782.000	74.602.000	
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	502.800	50.280	553.000	
4	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5,721%	1,15	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	124.307.484	9.944.599	134.252.000	
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,432%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	7.142.795	571.424	7.714.000	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	54.315.000	5.431.500	59.747.000	

7	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,844%		Dự toán gói thầu TB trước thuế x tỷ lệ	1.991.763	199.176	2.191.000	
8	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	682.467	54.597	737.000	
9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	80.000	1.080.000	
10	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	80.000	1.080.000	
11	Chi phí thẩm định giá thiết bị			Tạm tính	13.636.364	1.363.636	15.000.000	
V	Chi phí khác				20.810.240	132.274	20.943.000	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,08%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	1.322.740	132.274	1.455.000	
2	Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	237.500		238.000	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%		Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	14.250.000		14.250.000	
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	5.000.000		5.000.000	
IV	Chi phí dự phòng						20.198.000	Gdp
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	0,81%		(Gxd+Gtb+Gqlđ+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			20.198.000	
	Tổng cộng						2.500.000.000	Gxdct